

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2017/HSST**

Ngày: 26/12/2017.

NHÂN DANH

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA- TỈNH BẮC GIANG.**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ *Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà:* Ông Nguyễn Xuân Toàn.

+ *Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

2/ Ông Lê Thanh Miện.

- *Th- ký toà án ghi biên bản phiên toà:* bà Lê Ngọc Mai - cán bộ Toà án.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà:* ông Ngô Đức Nghiêm- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/12/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, mở phiên toà công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 91/2017/HSST ngày 20 tháng 11 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94/2017/QĐXX-HSST ngày 12 tháng 12 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Trung K, sinh năm 1981.

Nơi sinh: xã L, huyện H, tỉnh B.

Nơi cư trú: Thôn V, xã L, huyện H, tỉnh B.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hoá: lớp 09/12;

Con ông: Nguyễn Trung H, sinh năm 1957; và bà: Dương Thị P (đã chết);

Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1984; con: có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2008, con nhỏ nhất sinh năm 2011.

Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, hiện tại ngoại- có mặt tại phiên toà.

- *Ng- ời bị hại:* ông Dương Đức Đ- sinh năm 1958- Vắng mặt;

Nơi đăng ký HKTT: thôn H- xã T- huyện V- tỉnh B.

TQ: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B.

- *Ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1971- Vắng mặt;

TQ: Xóm B, thôn A, xã Đ, huyện H, tỉnh B.

- *Người làm chứng:*

1. Chị Nguyễn Thị T- sinh năm 1984 - Vắng mặt;
 2. Ông Nguyễn Trung H- sinh năm 1958 - Vắng mặt;
 3. Ông Nguyễn Văn H – sinh năm 1956- Vắng mặt;
 4. Chị Hoắc Thị H- sinh năm 1961- Vắng mặt;
 5. Anh Nguyễn Văn Đ – sinh năm 1972- Vắng mặt;
- Đều trú tại thôn V, xã L, huyện H, tỉnh B.
6. Anh Nguyễn Văn H- sinh năm 1985- Vắng mặt;
- TQ: thôn K- xã L, huyện H, tỉnh B.
7. Chị Trần Thị T- sinh năm 1980- Vắng mặt;
- TQ: thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B.

NHẬN THẤY.

Bị cáo Nguyễn Trung K bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang truy tố về hành vi phạm tội nh- sau:

Do muốn có tiền ăn tiêu và trả nợ nên Nguyễn Trung K- sinh năm 1981 ở thôn V, xã L, huyện H, tỉnh B nảy sinh ý định lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Sáng ngày 08/6/2017, Kiên gọi điện thoại cho ông Dương Đức Đ- sinh năm 1958 ở thôn C, xã L, huyện H, tỉnh B đến nhà K mục đích nói dối lấy cho ông Đ một chiếc bàn để mang xe mô tô của ông Đ đi cầm cố lấy tiền tiêu sài, nhưng không liên lạc được, K gọi điện thoại cho chị T (hàng xóm với ông Đ), nhờ chị Thắm nói với ông Đ. Sau đó ông Đ gọi điện thoại lại thì K bảo xuống nhà K. Khoảng 06 giờ 30 phút cùng ngày, ông Đ điều khiển xe mô tô Honda Lead BKS: 98B1-679.31 của ông Đ đến nhà K. Khi đến, ông Đ gặp K ở nhà cùng ông Nguyễn Trung H (bố đẻ K). Sau đó ông Đ điều khiển xe mô tô của mình chờ K đi ăn sáng. Ăn sáng xong, ông Đ mở cốp xe lấy ví ra để trả tiền, K nhìn thấy trong ví có giấy tờ đăng ký xe. Do có ý định từ trước nên K điều khiển xe mô tô chờ ông Đ quay về nhà K. Trên đường về nhà, K tìm cách lấy xe của ông Đ mang đi cầm cố. Do vài hôm trước, K có nói với ông Đ là sẽ lấy cho ông Đ 1 chiếc bàn gỗ (K khai của nhà ông Nguyễn Văn H- sinh năm 1956 ở thôn V, xã L, huyện H là bác của K) nên khi về đến nhà, K bảo ông Đ giao xe mô tô để đi lấy bàn, nhưng thực tế nhà ông H không có chiếc bàn gỗ nào để bán cho K. Ông Đ đồng ý nhưng sợ K mang xe đi cầm nên đã bảo K chở ông Đ đi cùng để ôm bàn. K không đồng ý, trả lại chìa khóa xe cho ông Đ và nói “anh đã ở nhà em rồi còn sợ gì nữa...” đồng thời K bảo ông Đ đưa cho 100.000 đồng để trả tiền bàn. Nghe K nói như vậy, ông Đ tưởng thật nên đã đồng ý đưa số tiền 100.000 đồng và giao xe mô tô của mình để K đi lấy chiếc bàn gỗ. Sau khi nhận được xe và tiền, K không điều khiển xe mô tô đến nhà ông H để lấy bàn mà đi thẳng đến nhà anh Nguyễn Văn N- sinh năm 1971 ở thôn A, xã Đ, huyện H để cầm cố chiếc xe mô tô của ông Đ lấy tiền. Khi K vào nhà anh N hỏi vay tiền thì anh Ng không cho vay, sau đó K ra mở cốp xe lấy đăng ký xe mô tô đưa cho anh Ng cùng với chiếc chìa khóa, đồng thời để

lại xe của ông Đ ở nhà anh Ng thì anh Ng đồng ý cho K vay 10.000.000 đồng. Nhận được tiền, K khai đã sử dụng số tiền cầm cố được để chơi game “Rik” hết. Đêm ngày 08/6/2017, K về nhà ngủ nhưng không nói chuyện cho chị Nguyễn Thị T và ông H (vợ và bố K) biết việc cầm cố chiếc xe mô tô của ông Đ. Sáng ngày 09/6/2017, K dậy sớm và đi ra khỏi nhà vì sợ ông Đ đến tìm. Khoảng 08 giờ, K lại gọi điện thoại cho anh Ng hỏi vay thêm tiền nhưng anh Ng không đồng ý.

Ông Đ sau khi giao xe mô tô cho K, một mình đợi K khoảng gần 01 (một) giờ đồng hồ nhưng không thấy quay lại, gọi điện thoại thì K tắt máy, đến khoảng 10 giờ không thấy K về, ông Đ có nói cho bố K biết sự việc, bố K bảo không biết Kiên đi đâu. Đợi đến khoảng 11 giờ, ông Đ gọi người nhà đến đón. Qua tìm hiểu ông Đ biết K đã cầm cố chiếc xe cho anh Ng ở xóm B, thôn A, xã Đ, huyện H lấy số tiền 10.000.000 đồng nên ông Đ điện thoại cho anh Ng để chuộc xe. Cùng ngày 08/6/2017, ông Đ có đơn trình báo Công an huyện H. Ngày 09/6/2017, Cơ quan điều tra đã thu giữ tại nhà anh N chiếc xe mô tô của ông Đ cùng giấy đăng ký xe do anh Ng giao nộp.

Ngày 12/6/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa lập Biên bản kiểm tra xe mô tô BKS 98B1-679.31, bên trong cốp xe có các tài sản sau:

- + 01 ví da màu vàng, bên trong có 02 chứng minh nhân dân tên Dương Đức Đ và Trần Thị T; 01 Giấy phép lái xe mô tô hạng A1 mang tên Dương Đức Đ;

- + 02 thẻ bảo hiểm y tế mang tên Dương Đức Đ và Dương Thị H;

- + 02 Điện thoại di động, trong đó 01 chiếc màu đen nhãn hiệu FPT, 01 chiếc màu trắng nhãn hiệu Vinaphone.

- + 01 mũ bảo hiểm màu đỏ.

Ngày 19/6/2017, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Hiệp Hòa kết luận: xe mô tô Honda Lead BKS 98B1-679.31 trị giá 31.500.000 đồng.

Ngày 14/8/2017, Cơ quan CSĐT Công an huyện Hiệp Hòa đã trả lại xe mô tô và toàn bộ giấy tờ, tài sản trên cho ông Đ, ông Đ không có yêu cầu gì về dân sự, chỉ đề nghị xử lý K theo quy định của pháp luật. Đối với số tiền 10.000.000 đồng mà anh Ng giao cho K khi cầm cố chiếc xe, anh Ng không có đề nghị gì.

Từ hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nêu trên của Nguyễn Trung K, tại bản cáo trạng số 89/KSĐT ngày 16/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo ra tr-ớc Toà án nhân dân huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang để xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Trung K thừa nhận đã có hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản nh- cáo trạng truy tố và nội dung vụ án đã tóm tắt nêu trên, rất hối hận về việc làm của mình, thành khẩn khai báo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm nh- cáo trạng truy tố bị cáo Nguyễn Trung K theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Trung K từ 06 đến 09 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Về trách nhiệm dân sự: không đặt ra.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã đ- ọc thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, ng- ời bị hại, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và ng- ời làm chứng trong vụ án.

XÉT THẤY

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thống nhất với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của ng- ời bị hại, ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, ng- ời làm chứng về thời gian, địa điểm và quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Tài sản bị cáo chiếm đoạt trị giá là 31.600.000 đ (Ba mươi một triệu sáu trăm nghìn đồng). Nh- vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận cho bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, vi phạm vào khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm hại đến quyền sở hữu của công dân, gây mất trật tự trị an xã hội, tạo ra d- luận xấu trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm đối với bị cáo để có tác dụng giáo dục riêng và góp phần ngăn ngừa chung.

Xét về nhân thân: bị cáo xuất thân từ thành phần nông dân lao động, mặc dù nhận thức rõ hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật hình sự nh- ng vẫn thực hiện phạm tội. Đáng chú ý địa phương cung cấp bị cáo là đối tượng lười lao động, ham chơi lêu lổng, thường xuyên giao giao du với các đối tượng có tiền án, tiền sự, có nhân thân xấu, các đối tượng có biểu hiện phạm tội về cờ bạc, ma túy; bị cáo có nghi vẫn ham chơi geam, cờ bạc, nếu để bị cáo ở ngoài xã hội thì bị cáo có thể tiếp tục phạm tội mới. Vì vậy, cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian đủ để bị cáo cải tạo trở thành công dân tốt. Tuy nhiên, xét bị cáo sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn,

ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc tr- ờng hợp ít nghiêm trọng, có bố đẻ là bệnh binh, ông nội là liệt sĩ, trong thời gian tại ngoại đã tích cực giúp đỡ cơ quan điều tra triệt phá 01 tụ điểm cờ bạc do Nguyễn Văn L, sinh năm 1986 ở thôn H, xã H, huyện H thực hiện bằng hình thức mua số lô, số đề, vì vậy cũng cần chiếu cố giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi l- ượng hình.

- **Về tình tiết tăng nặng:** bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự.

- **Về tình tiết giảm nhẹ:** Bị cáo đ- ọc h- ọc theo điểm h, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự, vì vậy cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần khi lượng hình.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS: 98B1-679.31 mà bị cáo K chiếm đoạt đã đ- ọc thu hồi trả lại cho ng- ời bị hại nguyên vẹn, ng- ời bị hại và ng- ời có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu gì về bồi th- ờng dân sự. Vì vậy trách nhiệm dân sự không đặt ra.

Việc truy tố và mức án do Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ và đúng pháp luật, phù hợp với tính chất, mức độ cũng nh- nhân thân của bị cáo, cần đ- ọc chấp nhận.

K khai sử dụng tiền chơi game trên mạng thắng thua bằng tiền, nhưng không xác định được đánh với ai nên không có căn cứ xử lý.

Đối với anh Nguyễn Văn N, nhận cầm cố chiếc xe mô tô do K chiếm đoạt của ông Đ, nhưng không biết là tài sản do phạm tội mà có nên không xem xét xử lý về hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa đã có văn bản đề nghị Trưởng Công an huyện Hiệp Hòa xem xét xử lý hành chính đối với hành vi này của anh N.

Quá trình điều tra, ông H, chị T (là bố đẻ và vợ K) khai trước đó K có mang xe mô tô của gia đình và người quen của K đi cầm cố, gia đình đã nhiều lần phải chuộc lại xe cho K. Đến nay ông H, chị T không có đề nghị gì, K khai đã lâu ngày nên không nhớ. Do vậy cần tách ra, nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau, vì vậy không xem xét trong vụ án này.

Từ các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Trung K phạm tội “**Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**”.

Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p, q khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 của Bộ luật hình sự; Điều 231; Điều 233; Điều 234 của Bộ luật tố tụng hình sự; Xử phạt:

Nguyễn Trung K 07 (Bảy) tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo để thi hành án.

- Về án phí: Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án; Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự: bị cáo Nguyễn Trung K phải chịu 200.0000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bị cáo có mặt biết đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ng- ười bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đ- ọc quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đ- ọc tổng đạt án vắng mặt.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND tỉnh Bắc Giang.
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Công an Hiệp Hòa.
- L- u hồ sơ vụ án.
- Bị cáo.

T/ M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên toà

Nguyễn Xuân Toàn.